

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng khoa học, sáng kiến; Cụm, Khu vực thi đua và Quỹ Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

Điều 2. Đối tượng thi đua**1. Đối tượng thi đua thường xuyên:**

- a) Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- b) Cục Thi hành án dân sự;
- c) Chi cục Thi hành án dân sự;
- d) Tập thể nhỏ thuộc các đơn vị quy định tại điểm a, b khoản này;
- đ) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác, làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, kể cả công chức, viên chức đang trong thời gian tập sự, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên.

2. Đối tượng thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề:

- a) Tập thể, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Sở Tư pháp, tập thể, cá nhân thuộc Sở Tư pháp;
- c) Tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- d) Tập thể, cá nhân thuộc tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tập thể, cá nhân được xác định cụ thể trong Kế hoạch phát động phong trào thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề; tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực công tác của ngành Tư pháp.

Điều 3. Đối tượng khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 được khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt.

2. Cá nhân được khen thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” theo quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Cá nhân được khen thưởng quá trình cống hiến.

4. Tập thể, cá nhân được khen thưởng thành tích đợt xuất xuất sắc.

5. Tập thể, cá nhân được khen thưởng đối ngoại.

6. Các đối tượng khác theo quyết định của Bộ trưởng.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua

Công tác thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

Điều 5. Nguyên tắc và căn cứ xét khen thưởng

1. Việc khen thưởng trong ngành Tư pháp được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, thiết thực;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; không nhất thiết khen thưởng theo trình tự có mức khen thưởng thấp rồi mới khen thưởng mức cao hơn;
- c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
- d) Kết hợp động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;
- đ) Đối với hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) trong một năm mỗi cá nhân chỉ được xét tặng một hình thức, trừ trường hợp khen cống hiến, khen thành tích đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề. Khi Bộ Tư pháp tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn... các cơ quan, đơn vị không đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương cho các tập thể hoặc cá nhân;
- e) Hình thức kỷ luật của cá nhân chỉ được xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng (những lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét lần trước);
- g) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

2. Việc xét khen thưởng trong ngành Tư pháp được thực hiện theo các căn cứ sau đây:

- a) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua;
- b) Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn;
- c) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;
- d) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung;
- đ) Đối với khen thưởng thành tích thường xuyên, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng;
- e) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước;

g) Việc bình xét khen thưởng phải trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; của cơ quan, đơn vị.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua trong toàn Ngành; phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai phát động phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề thuộc lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngành Tư pháp; quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

2. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tham mưu, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan đề xuất với Bộ trưởng về chủ trương, chính sách, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn đơn đốc, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; xây dựng, hoàn thiện, thể chế về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong Ngành; rà soát, tổng hợp hồ sơ đề nghị của các đơn vị trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trong toàn ngành Tư pháp; chủ trì, phối hợp với các tổ chức và cá nhân có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất khen thưởng cho cá nhân, tập thể trên cơ sở gắn với kết quả đánh giá cán bộ, công chức, kết quả xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

c) Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp;

d) Chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp xây dựng tiêu chí chấm điểm, xếp hạng và tổ chức chấm điểm, xếp hạng các Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với cấp ủy, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan, đơn vị xác định nội dung, chỉ tiêu, các biện pháp tổ chức phong trào thi đua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, đối tượng quản lý và điều kiện cụ thể của từng cơ quan, đơn vị;

b) Chủ động phát động, tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị;

c) Phát hiện, bình xét, lựa chọn các cá nhân, tập thể thuộc phạm vi quản lý có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các trường hợp khen thưởng khi được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp yêu cầu; tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp khi được mời dự;

đ) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thi đua, khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

e) Định kỳ hàng năm hoặc khi kết thúc phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề tiến hành tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng, bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, gửi báo cáo và hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng về Bộ Tư pháp theo quy định;

g) Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức chấm điểm thi đua các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đối với Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự chỉ đạo, tổ chức chấm điểm thi đua, xếp hạng các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức chấm điểm thi đua, xếp hạng của đơn vị mình theo tiêu chí chấm điểm thi đua do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành đảm bảo thực chất, khách quan, chính xác, công bằng.

4. Cục Công tác phía Nam có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều này và có nhiệm vụ phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng, Tổng cục Thi hành án dân sự chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác thi đua, khen